

Số: 1063/QĐ-STNMT

Đồng Nai, ngày 3 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước
năm 2019 của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 242/TB-STC ngày 28/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2019 của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ Quyết định công bố công khai, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Văn phòng Sở có trách nhiệm công khai tại bảng thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Sở Tài chính;
 - Lưu: VT, KHTC02b, Tr07b.
- D:\Trinh\2020\QD\congkhai



Nguyễn Ngọc Thường



**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2019 CỦA VĂN PHÒNG SỞ**

(Kèm theo Quyết định số 1063/QĐ-STNMT ngày 3 tháng 8 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt
A	Dự toán thu		
I	Thu phí, lệ phí	1.223	1.223
1	Lệ phí	43	43
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	43	43
2	Phí	1.180	1.180
-	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	15	15
-	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xả thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	625	625
-	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (thu của tổ chức)	455	455
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	85	85
II	Số thu nộp NSNN	1.223	1.223
1	Lệ phí	43	43
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	43	43
2	Phí	1.180	1.180
-	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	15	15
-	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xả thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	625	625
-	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (thu của tổ chức)	455	455
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	85	85
B	Chi ngân sách nhà nước	15.334	15.334
I	Chi quản lý nhà nước	10.002	10.002
1	Kinh phí hoạt động thường xuyên (tự chủ)	9.716	9.716
2	Kinh phí không thường xuyên (không tự chủ)	286	286
II	Chi sự nghiệp	5.332	5.332
1	Chi sự nghiệp tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản (Loại 280, Khoản 332)	1.357	1.357
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.975	3.975